



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÁNG 01 NĂM 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.110.212.318.201</b>	<b>10.338.423.091.776</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>725.028.446.343</b>	<b>811.027.391.399</b>
Tiền	111		618.028.446.343	811.027.391.399
Các khoản tương đương tiền	112		107.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>2.709.253.380.470</b>	<b>3.221.633.265.825</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.709.253.380.470	3.221.633.265.825
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.675.952.077.271</b>	<b>1.242.365.214.255</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.506.795.307.437	1.211.559.391.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	73.697.607.135	14.341.792.110
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		88.708.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	38.510.853.414	47.367.616.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(31.759.690.715)	(30.903.586.169)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>3.582.329.782.499</b>	<b>4.584.590.741.297</b>
Hàng tồn kho	141		3.651.740.541.116	4.835.991.887.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(69.410.758.617)	(251.401.145.812)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>417.648.631.618</b>	<b>478.806.479.000</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	29.255.297.940	32.029.733.527
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	387.340.927.601	446.756.758.633
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	1.052.406.077	19.986.840

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondongai.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.790.394.792.886</b>	<b>2.600.544.115.619</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.488.194.916</b>	<b>13.524.804.916</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	11.481.759.916	13.518.369.916
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.864.364.245.681</b>	<b>1.942.246.136.936</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	V.8	<b>1.648.782.100.649</b>	<b>1.715.803.984.870</b>
- Nguyên giá	222		4.721.876.748.746	4.558.176.045.474
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.073.094.648.097)	(2.842.372.060.604)
<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	V.9	<b>91.515.291.265</b>	<b>103.377.490.380</b>
- Nguyên giá	225		144.995.180.732	137.560.662.212
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(53.479.889.467)	(34.183.171.832)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	V.10	<b>124.066.853.767</b>	<b>123.064.661.686</b>
- Nguyên giá	228		143.531.273.727	141.291.673.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(19.464.419.960)	(18.227.012.041)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.11	<b>216.849.723.688</b>	<b>65.722.024.716</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		27.902.442.105	25.621.793.759
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		188.947.281.583	40.100.230.957
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>260.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	260.000.000.000	110.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>437.692.628.601</b>	<b>469.051.149.051</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	410.190.019.761	404.395.240.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		20.592.104.588	56.872.498.004
Lợi thế thương mại	269	V.12	6.910.504.252	7.783.410.052
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.900.607.111.087</b>	<b>12.938.967.207.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.933.576.488.002</b>	<b>9.123.862.004.956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.747.212.114.298</b>	<b>9.001.585.506.436</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.413.145.833.265	1.842.938.322.215
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	34.762.017.009	60.367.214.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	99.860.391.505	225.462.074.067
Phải trả người lao động	314		35.255.136.415	37.039.947.871
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.155.165.004	12.039.866.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	65.051.886.132	2.755.507.742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	6.042.202.449.278	6.778.798.090.852
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		46.779.235.690	42.184.482.641
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>186.364.373.704</b>	<b>122.276.498.520</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	186.364.373.704	66.590.834.558
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	-	55.685.663.962
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.967.030.623.085</b>	<b>3.815.105.202.439</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>3.967.030.623.085</b>	<b>3.815.105.202.439</b>
Vốn cổ phần	411		1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.490.988.510.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.080.491.318)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>1.610.228.659.129</b>	<b>1.826.339.918.321</b>
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421A		1.338.362.554.602	1.484.481.936.182
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421B		271.866.104.527	341.857.982.139
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.094.911.319	2.051.150.163
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.900.607.111.087</b>	<b>12.938.967.207.395</b>

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Điền Vĩnh Phước

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
I	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.408.921.007.144	3.896.329.743.042	15.335.166.620.272	19.154.277.660.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		12.362.983.920	8.256.739.981	24.790.851.045	18.429.005.144
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.396.558.023.224	3.888.073.003.061	15.310.375.769.227	19.135.848.654.890
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.214.226.336.426	3.704.398.896.032	14.310.875.133.481	17.686.750.643.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		182.331.686.798	183.674.107.029	999.500.635.746	1.449.098.011.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	68.798.636.313	138.341.972.952	319.981.108.850	435.949.021.441
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	76.749.012.842	92.742.557.015	366.857.926.969	353.542.976.914
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.321.442.102	70.739.002.720	274.494.293.542	242.616.957.479
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	75.788.592.655	191.517.786.685	481.803.927.313	1.027.104.586.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	34.598.577.757	41.888.230.647	116.202.692.271	111.461.006.673
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		63.994.139.857	(4.132.494.366)	354.617.198.043	392.938.462.936
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.401.939.943	30.701.893.274	12.954.494.761	38.761.593.021
12. Chi phí khác	32	VI.6	9.668.617.867	644.444.884	11.639.587.097	3.629.819.767
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.266.677.924)	30.057.448.390	1.314.907.664	35.131.773.254
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.727.461.933	25.924.954.024	355.932.105.707	428.070.236.190
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	15.937.707.993	21.857.191.511	47.703.562.476	121.336.981.359
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	7.232.894.677	(17.245.370.854)	36.280.393.416	(35.036.129.570)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.556.859.263	21.313.133.367	271.948.149.815	341.769.384.401
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		36.467.763.608	21.317.720.497	271.866.104.527	341.857.982.139
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		89.095.655	(4.587.130)	82.045.288	(88.597.738)

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Vô Công Danh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Vĩnh Phước

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 - DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>355.932.105.707</b>	<b>428.070.236.190</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản	2	264.729.117.086	349.156.456.461
Hoàn nhập (Trích lập) các khoản dự phòng	3	(181.134.282.649)	172.951.515.479
Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(4.104.360.200)	17.001.518.002
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(226.100.141.262)	(223.806.660.841)
Chi phí lãi vay	6	274.494.293.542	242.616.957.479
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>483.816.732.224</b>	<b>985.990.022.770</b>
Tăng (giảm) các khoản phải thu	9	(290.730.996.120)	458.947.861.176
Giảm (Tăng) hàng tồn kho	10	1.181.970.697.647	(1.630.719.625.827)
Giảm (Tăng) các khoản phải trả	11	(451.606.543.245)	37.613.940.471
Tăng chi phí trả trước	12	(3.020.343.179)	(121.772.084.378)
Tiền lãi vay đã trả	14	(275.414.047.250)	(240.512.605.658)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(120.792.773.077)	(19.705.145.826)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.459.654.913)	(23.157.557.608)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>502.763.072.087</b>	<b>(553.315.194.880)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(336.179.259.597)	(53.817.993.212)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	14.114.646.460	20.153.131.036
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(8.819.969.788.048)	(10.794.579.228.649)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tắt toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	9.093.641.673.403	9.889.645.833.486
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	230.143.612.043	241.670.213.543
<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>181.750.884.261</b>	<b>(696.928.043.796)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	24.961.715.868	-
Tiền thu từ đi vay	33	14.153.288.565.912	17.878.425.321.332
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.799.673.816.480)	(16.856.812.627.044)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(34.138.515.822)	(38.146.869.198)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.685.335.000)	(116.212.720.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(770.247.385.522)	867.253.104.740
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(85.733.429.174)	(382.990.133.936)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	811.027.391.399	1.193.754.292.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(265.515.882)	263.233.039
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	725.028.446.343	811.027.391.399

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đoàn Vĩnh Phước

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất thép, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

**2. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.**

**3. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.367 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.481 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có Tám (8) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
<b>1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An</b> Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhật Chánh, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	100	100
<b>2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng</b> Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
<b>3. Công Ty TNHH MTV Logistics Hưng Việt (Trước đây là Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương)</b> Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3 , Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
<b>4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh</b> Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
<b>5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ</b> Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
<b>6. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ 1</b> Địa chỉ: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100	100
<b>7. Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung (Trước đây là Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung)</b> Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Lăng B, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	95	95
<b>8. Công ty TNHH Thép Indo Vina</b> Địa Chỉ: Số 91, Đường Tanah Abang II, Xã/Khu phố Cideng, Quận Gambir, Thành phố Jakarta Trung tâm Hành chính, Tỉnh DKI Jakarta	51	51

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí  
kinh doanh dở dang sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ  
hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia  
quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**5. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**14. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

**15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**16. Vốn góp của chủ sở hữu**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

**17. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**18. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	178.824.833	503.754.559
Tiền gửi ngân hàng	614.649.621.510	810.523.636.840
Tiền đang chuyển	3.200.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	107.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>725.028.446.343</b>	<b>811.027.391.399</b>

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn	252.000.000.000	599.000.000.000
Trái phiếu	2.457.253.380.470	2.622.633.265.825
<b>CỘNG</b>	<b>2.709.253.380.470</b>	<b>3.221.633.265.825</b>
<b>Dài hạn</b>		
Trái phiếu	260.000.000.000	110.000.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.969.253.380.470</b>	<b>3.331.633.265.825</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	135.212.477.639	39.105.145.285
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	169.850.422.798	83.351.268.948
Duferco Sa	18.051.516.416	135.400.512.027
Eusider S.P.A.	-	101.077.644.156
Phải thu khách hàng khác	1.183.680.890.584	846.197.716.707
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	-	6.427.104.757
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.506.795.307.437</b>	<b>1.211.559.391.880</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.759.690.715)	(30.903.586.169)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1.475.035.616.722</b>	<b>1.180.655.805.711</b>

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>NGẮN HẠN</b>		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	-	5.255.725.342
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	506.843.001	3.924.391.591
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	6.708.044.950	1.414.681.037
Danieli Co., Ltd	19.675.195.813	-
PRC Technology (Beijing) Co., Ltd	12.301.011.000	-
Shanghai Jingxiang Industrial Company Limited	11.565.427.680	-
Nhà cung cấp khác	22.941.084.691	3.746.994.140
<b>CỘNG</b>	<b>73.697.607.135</b>	<b>14.341.792.110</b>
<b>DÀI HẠN</b>		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
<b>CỘNG</b>	<b>6.435.000</b>	<b>6.435.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>73.704.042.135</b>	<b>14.348.227.110</b>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	7.155.728.250	11.295.605.400
Phải thu chi hộ	237.623.800	189.062.400
Lãi dự thu	27.107.863.085	29.806.028.638
Khác	4.009.638.279	6.076.919.996
<b>CỘNG</b>	<b>38.510.853.414</b>	<b>47.367.616.434</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	11.481.759.916	13.518.369.916
<b>CỘNG</b>	<b>11.481.759.916</b>	<b>13.518.369.916</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.992.613.330</b>	<b>60.885.986.350</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thành phẩm	2.125.029.616.569	2.221.560.321.859
Nguyên liệu, vật liệu	1.011.079.114.148	1.781.098.691.630
Hàng đang đi trên đường	470.467.895.742	782.090.916.278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.285.560.434	46.522.923.242
Công cụ, dụng cụ	2.872.590.890	3.200.550.074
Hàng hoá	1.005.763.333	1.518.484.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.651.740.541.116</b>	<b>4.835.991.887.109</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(69.410.758.617)	(251.401.145.812)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>3.582.329.782.499</b>	<b>4.584.590.741.297</b>

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>251.401.145.812</b>	<b>83.954.703.493</b>
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	69.410.758.617	251.401.145.812
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(251.401.145.812)	(83.954.703.493)
<b>Số cuối năm</b>	<b>69.410.758.617</b>	<b>251.401.145.812</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.255.297.940</b>	<b>32.029.733.527</b>
Công cụ, dụng cụ đang dùng	18.343.014.920	18.279.263.444
Khác	10.912.283.020	13.750.470.083
<b>Dài hạn</b>	<b>410.190.019.761</b>	<b>404.395.240.995</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	269.434.429.972	286.977.016.879
Công cụ, dụng cụ đang dùng	90.707.482.832	79.928.271.985
Khác	50.048.106.957	37.489.952.131
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>439.445.317.701</b>	<b>436.424.974.522</b>

(\*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN  
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	795.356.293.262	3.514.721.429.889	229.574.874.157	18.140.120.353	383.327.813	4.558.176.045.474
Đầu tư xây dựng cơ bản	105.434.349.482	35.412.223.316	7.256.820.000	531.000.000	-	148.634.392.798
Mua trong năm	4.081.645.683	26.339.624.385	3.187.143.106	2.849.803.000	-	36.458.216.174
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	(4.913.553.094)	(4.574.076.478)	(11.391.306.412)	(166.086.091)	(346.883.625)	(21.391.905.700)
Tại ngày 31/12/2025	899.958.735.333	3.571.899.201.112	228.627.530.851	21.354.837.262	36.444.188	4.721.876.748.746
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	38.230.625.181	1.220.971.935.496	58.443.428.256	13.991.899.188	-	1.331.637.888.121
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	279.591.512.110	2.374.075.547.766	172.014.622.691	16.428.122.604	262.255.433	2.842.372.060.604
Khấu hao trong năm	37.960.594.356	183.871.193.189	20.504.258.830	946.952.853	39.086.504	243.322.085.732
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	(2.793.188.031)	(2.023.789.399)	(7.341.818.517)	(166.086.091)	(274.616.201)	(12.599.498.239)
Tại ngày 31/12/2025	314.758.918.435	2.555.922.951.556	185.177.063.004	17.208.989.366	26.725.736	3.073.094.648.097
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	515.764.781.152	1.140.645.882.123	57.560.251.466	1.711.997.749	121.072.380	1.715.803.984.870
Tại ngày 31/12/2025	585.199.816.898	1.015.976.249.556	43.450.467.847	4.145.847.896	9.718.452	1.648.782.100.649

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	26.241.620.302	111.319.041.910	137.560.662.212
Thuê trong kỳ	-	7.434.518.520	7.434.518.520
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	3.772.188.754	30.410.983.078	34.183.171.832
Khấu hao trong năm	2.624.162.029	16.672.555.606	19.296.717.635
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	6.396.350.783	47.083.538.684	53.479.889.467
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	22.469.431.548	80.908.058.832	103.377.490.380
Tại ngày 31/12/2025	19.845.269.519	71.670.021.746	91.515.291.265

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	23.765.373.727	141.291.673.727
Mua mới	-	2.110.600.000	2.110.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	129.000.000	129.000.000
Tại ngày 31/12/2025	117.526.300.000	26.004.973.727	143.531.273.727
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	16.337.924.227	16.337.924.227
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	-	18.227.012.041	18.227.012.041
Hao mòn trong kỳ	-	1.237.407.919	1.237.407.919
Tại ngày 31/12/2025	-	19.464.419.960	19.464.419.960
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	5.538.361.686	123.064.661.686
Tại ngày 31/12/2025	117.526.300.000	6.540.553.767	124.066.853.767

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	27.902.442.105	25.621.793.759
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.902.442.105</b>	<b>25.621.793.759</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	-	35.003.450.421
Khác	188.947.281.583	5.096.780.536
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.947.281.583</b>	<b>40.100.230.957</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>216.849.723.688</b>	<b>65.722.024.716</b>

**12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung	6.910.504.252	7.783.410.052
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.910.504.252</b>	<b>7.783.410.052</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	93.954.452.418	125.435.599.670
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	63.517.219.982	55.883.429.913
Metal One Corporation	-	195.390.481.582
Jfe Shoji Corporation	132.138.569.750	241.554.692.470
Phải trả cho người bán Khác	222.777.080.149	512.176.672.070
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	900.758.510.966	712.497.446.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.413.145.833.265</b>	<b>1.842.938.322.215</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	10.222.917.433	13.664.536.255
LLC Max Trade Group	3.367.568.059	-
ST.International Co.,LTD	-	7.533.595.183
P.E. Dives-Plus	-	6.062.602.320
Artsteel Canada Inc	-	6.260.012.100
Llc Jaz Ukraine	3.676.265.081	-
H.S.I.I CO., LTD.	7.659.454.160	-
Người mua trả tiền trước khác	9.835.812.276	26.846.468.425
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.762.017.009</b>	<b>60.367.214.283</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số dư tại ngày 01/01/2025</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số dư tại ngày 31/12/2025</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	-	-	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	446.756.758.633	1.642.369.167.812	1.701.784.998.844	387.340.927.601
Thuế Thu nhập cá nhân	-	280.829.387	-	280.829.387
Khác	-	751.589.850	-	751.589.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>446.776.745.473</b>	<b>1.643.401.587.049</b>	<b>1.701.784.998.844</b>	<b>388.393.333.678</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.792.056.675	47.704.278.876	120.792.773.077	47.703.562.474
Thuế giá trị gia tăng	98.752.601.185	1.804.126.261.219	1.857.675.280.474	45.203.581.930
Thuế thu nhập cá nhân	5.713.743.921	16.405.566.507	21.792.618.026	326.692.402
Thuế bảo vệ môi trường	64.800.000	226.800.000	259.200.000	32.400.000
Thuế nhập khẩu	138.872.286	459.863.934	474.442.808	124.293.412
Khác	-	7.011.905.007	542.043.720	6.469.861.287
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>225.462.074.067</b>	<b>1.875.934.675.543</b>	<b>2.001.536.358.105</b>	<b>99.860.391.505</b>

**16. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	<i>31/12/2025 VND</i>	<i>01/01/2025 VND</i>
UPAS L/C	59.222.137.848	-
Khác	5.829.748.284	2.755.507.742
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.051.886.132</b>	<b>2.755.507.742</b>



TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU ISO 9001 ISO 14001 ISO 50001 ISO 14067

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn  
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY, NỢ THUÊ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	31/12/2025		01/01/2025
	VND		VND
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Vay ngân hàng	5.928.729.249.974		6.744.616.035.491
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	29.251.943.724		3.211.122.995
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	28.535.591.618		30.970.932.366
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	55.685.663.962		-
<b>CỘNG</b>	<b>6.042.202.449.278</b>		<b>6.778.798.090.852</b>
<b>Vay dài hạn</b>			
Vay ngân hàng	167.544.136.680		24.083.422.460
Nợ thuê tài chính	18.820.237.024		42.507.412.098
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	-		55.685.663.962
<b>CỘNG</b>	<b>186.364.373.704</b>		<b>122.276.498.520</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.228.566.822.982</b>		<b>6.901.074.589.372</b>
	31/12/2025		01/01/2025
	VND	USD	VND
Vay, nợ thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	6.042.202.449.278	-	6.778.798.090.852
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	5.928.729.249.974	-	3.513.487.754.429
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	1.920.997.797.170	-	1.559.828.736.875
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	2.237.937.719.225	-	644.099.775.843
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	-	335.423.335.336
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	494.239.256.932	-	266.839.530.853
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	434.165.455.574	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	121.451.528.399	-	-
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	221.837.104.070	-	31.450.350.589
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	198.554.512.470	-	498.978.501.282
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	299.545.876.134	-	176.867.523.651
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	-	-	3.231.128.281.062
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-	-	1.855.364.430.613
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	-	-	943.249.687.467
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	23.474.224.685
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	409.039.938.297
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	29.251.943.724	-	3.211.122.995
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	8.757.522.207	-	3.211.122.995
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	20.494.421.517	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	55.685.663.962	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.535.591.618	-	30.970.932.366
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaitlease	16.547.202.406	-	17.093.147.382
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.668.187.212	-	7.557.582.984
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	6.320.202.000	-	6.320.202.000
Vay, nợ thuê tài chính và trái phiếu chuyển đổi dài hạn	186.364.373.704	-	122.276.498.520
Vay dài hạn ngân hàng	167.544.136.680	-	24.083.422.460
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn	143.460.950.630	-	-
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	24.083.186.050	-	24.083.422.460
Nợ thuê tài chính dài hạn	18.820.237.024	-	42.507.412.098
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaitlease	10.989.593.192	-	22.688.379.054
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	7.830.643.832	-	14.150.845.832
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	5.668.187.212
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	55.685.663.962
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.228.566.822.982</b>	-	<b>6.901.074.589.372</b>
	-	-	126.545.798

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4,40%/năm đến 7,00%/năm. Lãi suất của các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 6,90%/năm đến 8,50%/năm. Lãi suất của các khoản thuê tài chính từ các công ty thuê tài chính bằng VND là từ 6,53%/năm đến 8,59%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG A**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế : 3700255880

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2025 và	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962
Ngày 31 tháng 12 năm 2025								

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đảo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đảo hạn. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản trái phiếu chuyển đổi này được trình bày là ngắn hạn vì thời gian đảo hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.****19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước								
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	341.857.982.139	(88.597.738)	341.769.384.401
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(28.674.266.001)	-	(28.674.266.001)
Khác	-	-	-	-	-	(2.548.980.321)	-	(2.548.980.321)
Tại ngày 31/12/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Kỳ này								
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	-	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Tăng vốn	344.073.410.000	-	-	-	-	(458.764.920.000)	-	344.073.410.000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	-
Lô chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(1.080.491.318)	-	-	(1.080.491.318)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	271.866.104.527	25.043.761.156	296.909.865.683
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(26.054.407.963)	-	(26.054.407.963)
Khác	-	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 31/12/2025	1.490.988.510.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	(1.080.491.318)	1.610.228.659.129	27.094.911.319	3.967.030.623.085

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu năm	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong năm	344.073.410.000	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.490.988.510.000</b>	<b>1.146.915.100.000</b>

**19.3 Cổ phiếu**

	31/12/2025 VND Số cổ phiếu	01/01/2025 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	149.098.851	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	149.098.851	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	149.098.851	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. DOANH THU**

**1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.335.166.620.272</b>	<b>19.154.277.660.034</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	15.244.492.259.571	19.018.353.898.634
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	90.674.360.701	135.923.761.400
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>24.790.851.045</b>	<b>18.429.005.144</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>15.310.375.769.227</b>	<b>19.135.848.654.890</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	15.219.701.408.526	18.999.924.893.490
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	90.674.360.701	135.923.761.400

**1.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	220.777.902.262	218.570.715.191
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	99.203.206.588	217.378.306.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>319.981.108.850</b>	<b>435.949.021.441</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	14.310.875.133.481	17.686.750.643.221
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.310.875.133.481</b>	<b>17.686.750.643.221</b>

**3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuế tài chính	274.494.293.542	242.616.957.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	92.363.633.427	110.926.019.435
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>366.857.926.969</b>	<b>353.542.976.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	224.841.081.679	790.538.867.947
Chi phí lương nhân viên	66.012.959.586	58.752.927.928
Chi phí quảng cáo	43.581.010.993	38.210.543.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.769.700.277	131.242.240.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.599.174.778	8.360.007.081
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>481.803.927.313</b>	<b>1.027.104.586.587</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.403.634.980	43.289.654.356
Chi phí nhân viên	58.347.973.839	53.020.504.610
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.594.978.906	9.645.774.547
dự phòng (hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	856.104.546	5.505.073.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.202.692.271</b>	<b>111.461.006.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>12.954.494.761</b>	<b>38.761.593.021</b>
Thu nhập từ bán phế liệu	5.300.691.530	6.796.194.409
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5.322.238.999	29.914.466.320
Khác	2.331.564.232	2.050.932.292
<b>Chi phí khác</b>	<b>11.639.587.097</b>	<b>3.629.819.767</b>
Chi phí khấu hao tài sản ngừng sử dụng	872.877.358	1.812.009.579
Chi phí từ thanh lý phế liệu	-	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	312.136.803	136.074.396
Tiền phạt thuế	3.222.981.550	1.192.608.645
Khác	7.231.591.386	489.127.147
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.314.907.664</b>	<b>35.131.773.254</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:**

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.703.562.476	121.336.981.359
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.280.393.416	(35.036.129.570)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>83.983.955.892</b>	<b>86.300.851.789</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	3.461.934.848.140	3.683.842.999.589
		Bán hàng	90.674.360.701	135.923.761.400

Vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	-	6.427.104.757
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	900.758.510.966	712.497.446.510

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	240.300.000	3.445.400.000
Ông Hồ Song Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	2.141.306.364	2.840.557.564
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	2.214.305.714	2.239.244.472
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.975.163.777	2.121.487.830
Ông Nguyễn Thanh Vĩnh Nhật	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.039.039.837	-
Ông Lâm Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.016.170.475	-
Ông Đỗ Hữu Văn	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/06/2025	1.016.247.107	-
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2025	2.079.902.229	2.249.657.356
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	22.800.000	322.800.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	12.000.000	92.000.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	-	100.000.000
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	100.000.000
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng BKS	-	50.000.000
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên BKS	-	20.000.000
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên BKS	-	20.000.000
Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng BKS đến ngày 23/06/2023	-	30.000.000
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên BKS đến 23/06/2023	-	10.000.000
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên BKS đến 23/06/2023	-	5.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.757.235.503</b>	<b>13.646.147.222</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

Người lập  
(Ký, họ tên)



Võ Công Danh

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Trần Lệ Xuân

